

Số: /BC-STC

Khánh Hòa, ngày tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường và công tác quản lý giá tại Khánh Hòa tháng 8 năm 2023

A. Tình hình thị trường:

I. Tình hình chung:

Theo số liệu Cục Thống kê tỉnh, chỉ số giá tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tháng 8/2023 tăng 1,22% so với tháng 7/2023.

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính, có 9 nhóm hàng có chỉ số giá tăng từ 0,09-4,95%: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,73%; Đồ uống và thuốc lá tăng 0,09%; May mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,09%; Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD tăng 2,17%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,23%; Giao thông tăng 4,95%; Giáo Dục tăng 0,42%; Văn hóa, giải trí và dịch vụ du lịch tăng 0,22%; Hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,32%. Các nhóm hàng hóa và dịch vụ còn lại có chỉ số giá ổn định: Thuốc và dịch vụ y tế; Bưu chính viễn thông.

	Mặt hàng	Tháng 8/2023 so với tháng 7/2023 (%)
	Chỉ số giá tiêu dùng	101,22
I	Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	100,73
	Trong đó: 1- Lương thực	106,90
	2- Thực phẩm	100,12
	3- Ăn uống ngoài gia đình	100,01
II	Đồ uống và thuốc lá	100,09
III	May mặc, mũ nón, giày dép	100,09
IV	Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	102,17
V	Thiết bị và đồ dùng gia đình	100,23
VI	Thuốc và dịch vụ y tế	100,00
VII	Giao thông	104,95
VIII	Bưu chính viễn thông	100,00
IX	Giáo dục	100,42
X	Văn hóa, giải trí và du lịch	100,22
XI	Hàng hóa và dịch vụ khác	100,32
*	Chỉ số giá vàng	100,36
*	Chỉ số giá đô la Mỹ	100,53

II. Diễn biến cụ thể:

1. Lương thực, thực phẩm:

a) Lương thực:

Giá bán lẻ các mặt hàng lương thực tháng 8/2023 tiếp tục tăng so với tháng 7/2023, tăng mặt hàng gạo tẻ thường, bình quân tăng (+888đồng/kg), tăng mặt hàng gạo tẻ ngon, bình quân tăng (+771đồng/kg). Giá gạo các loại có xu hướng tăng do lượng gạo về ít, nhu cầu và sức mua tốt, giao dịch gạo tại các chợ sôi động. Giá bán lẻ được thu thập trực tiếp tại các chợ, cửa hàng gạo trên địa bàn tỉnh như: gạo tẻ thường địa phương khoảng 12.500-15.300 đồng/kg, gạo Thom 20.500 đồng/kg, gạo Phước Thành 16.000 đồng/kg, gạo Jasmin 15.000-16.000 đồng/kg, gạo Lộc Phương 18.000-19.000 đồng/kg, gạo Lài sữa 25.000 đồng/kg, gạo thom Thái dẻo 19.000 đồng/kg. Các loại gạo miền Nam như: gạo Tài Nguyên thom 18.000 đồng/kg, gạo Ròng Vàng 22.000 đồng/kg, gạo Lài sữa miền 18.000 đồng/kg, gạo Đài Loan xuất khẩu 17.500 đồng/kg, gạo Hương Lài 19.000 đồng/kg, gạo Tứ Quý 26.000 đồng/kg, gạo Nhật 22.000 đồng/kg, gạo Sóc Thái 18.000 đồng/kg, gạo Tâm Đài Sa mơ 16.000 đồng/kg, gạo ST25 26.000 đồng/kg, gạo nếp Sáp Tiên Giang 19.000-20.000 đồng/kg, nếp Than-Long An 35.000 đồng/kg, nếp Cẩm 35.000 đồng/kg, nếp Nhung 30.000 đồng/kg...

b) Thực phẩm.

- Mặt hàng thịt tươi sống: Giá thịt lợn hơi trong tháng 8/2023 tiếp tục giảm so với tháng 7/2023, giảm (-643đồng/kg), giá bình quân dao động từ 58.000-61.000 đồng/kg. Giá thịt lợn giảm do hiện đang là tháng 7 Âm lịch - mùa ăn chay, theo quy luật của thị trường đây là thời điểm tiêu thụ thịt lợn thấp trong năm. Ngoài ra, đang là thời điểm giao mùa nên dịch tả lợn châu Phi diễn biến phức tạp. nhiều trang trại sợ dịch phải bán lợn sớm với giá thấp để thu hồi vốn. Giá thịt lợn hơi giảm nên giá lợn thịt và các sản phẩm được sản xuất từ thịt lợn cũng giảm như: thịt lợn nạc thăn giảm (-857đồng/kg), thịt đùi giảm (-333đồng/kg), thịt ba chỉ giảm (-1.000đồng/kg), chả lụa giảm (-72đồng/kg), giá từ 140.000-170.000 đồng/kg, giá một số mặt hàng thịt lợn cụ thể: thịt lợn nạc thăn giá từ 120.000-130.000 đồng/kg, thịt ba chỉ giá từ 115.000-140.000 đồng/kg, thịt đùi giá từ 110.000-120.000 đồng/kg...bên cạnh mặt hàng thịt lợn có giá giảm, mặt hàng thịt bò cũng có giá giảm nhẹ so với tháng trước như: thịt bò thăn giảm (-625đồng/kg), thịt bò bắp giảm (-71đồng/kg); giá mặt hàng thủy hải sản tươi sống có giá tăng so với tháng trước do nhu cầu tăng vì tháng này là thời điểm khách du lịch đến Khánh Hòa tăng. Giá một số mặt hàng thủy hải sản: tôm nuôi nước ngọt loại 40-45 con/kg có giá tăng (+416đồng/kg), giá từ 165.000-200.000 đồng/kg, cá lóc tăng (+312đồng/kg) có giá từ 70.000-90.000 đồng/kg, cá chép có giá tăng (+2000đồng/kg) có giá từ 75.000-95.000 đồng/kg...

- Mặt hàng gà: Nhóm thịt gia cầm tiếp tục tăng so với tháng trước, tăng từ 1,09-1,82%, gà ta có giá tăng (+1.375đồng/kg), giá thịt gà mái ta còn sống loại 1,5kg trở lên dao động từ 90.000-110.000 đồng/kg, gà công nghiệp có giá tăng, tăng (+1.063đồng/kg) có giá dao động từ 62.000-70.000 đồng/kg...

- Mặt hàng rau củ như bắp cải, bí xanh, cà chua, cải xanh... có giá tăng từ 0,52-6,67% so với tháng trước do nhu cầu tăng, cộng với thời tiết nắng nóng rau củ dễ hư hỏng, cụ thể: rau cải xanh tăng (+1.071đồng/kg), cà chua tăng (+857đồng/kg) bắp cải trắng tăng (+83đồng/kg), bí xanh tăng (+1.072đồng/kg), giá bán cải xanh từ 17.000-20.000đồng/kg, cà chua từ 20.000-23.000đồng/kg, bí xanh từ 15.000-18.000 đồng/kg...

- Giá một số mặt hàng thực phẩm công nghệ có giá tăng từ 0,04-3,52% so tháng trước, cụ thể: dầu ăn Simply tăng (+20đồng/chai 1 lít), đường tinh luyện Biên Hòa có giá tăng (+1.040đồng/kg), sản phẩm dinh dưỡng Dielac Alpha step 1 hộp thiếc 400g có giá tăng (+2.100đồng/hộp). Giá bán lẻ một số mặt hàng hiện nay như sau: dầu ăn Simply giá 55.000-60.000 đồng/chai, đường tinh luyện Biên Hòa từ 26.000-30.000 đồng/kg, sản phẩm dinh dưỡng Dielac Alpha step 1 hộp thiếc 400g giá bán từ 135.000-160.000 đồng/hộp, Enfagrow hộp thiếc 900g giá 435.000 đồng/hộp.

2. Vật tư nông nghiệp:

- Giá bán lẻ các loại giống như: ngô, cải xanh, cải bẹ Mào gà có giá ổn định so tháng trước; riêng giống lúa có giá tăng 14,29% so với tháng trước, tăng (+2.000đồng/kg), hiện giá bán lẻ 16.000 đồng/kg;

- Các loại Vac-xin gia súc, gia cầm, thuốc thú y ... có giá ổn định so tháng trước;

- Giá bán lẻ các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật, phân bón như: thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, diệt cỏ có giá ổn định so với tháng trước, riêng phân đạm Urê có giá tăng 2% so với tháng trước, tăng (+200đồng/kg), hiện giá bán lẻ 10.200 đồng/kg. phân NPK có giá tăng 1,1% so với tháng trước, tăng (+200đồng/kg), hiện giá bán lẻ 18.000 đồng/kg.

3. Đồ uống:

Nhóm hàng đồ uống không có nhiều biến động so tháng trước, cụ thể: mặt hàng nước khoáng Lavie, rượu vang nội có giá ổn định, nước giải khát có ga có giá giảm nhẹ, giảm (-166đồng/thùng), bia lon tăng (+2.000đồng/thùng. Hiện nay, nước khoáng Lavie 5.000-6.000 đồng/chai 500ml, rượu vang đỏ Đà Lạt 90.000-140.000 đồng/chai 750ml, nước giải khát Coca-Cola 195.000-205.000 đồng/thùng 24 lon, bia Sài Gòn xanh 235.000-270.000 đồng/thùng 24 lon, bia tiger 360.000-380.000 đồng/thùng 24 lon,....

4. Vật liệu xây dựng, chất đốt, nước sinh hoạt:

a) Vật liệu xây dựng:

Giá các mặt hàng vật liệu xây dựng trong tháng 8/2023 so với tháng 7/2023: xi măng, gạch xây có giá ổn định; thép xây dựng, cát xây có giá giảm, ống nhựa, cát vàng có giá tăng. Hiện nay, giá xi măng Sông Gianh bao PCB30 bao 50kg có giá bán 97.527 đồng/bao50kg, mặt hàng thép cuộn phi 6 liên doanh Việt Nhật có giá giảm (-750 đồng/kg), giá bán từ 15.500-21.000 đồng/kg, cát xây có giá giảm (-3.125đồng/m³) giá bán từ 270.000-320.000 đồng/m³, cát vàng (cát tô)

có giá tăng (+1.875đồng/m³) giá bán từ 280.000-360.000 đồng/m³, gạch xây BT 02 lỗ hình chữ nhật 90x90x190 giá ổn định so tháng trước là 1.600 đồng/viên, gạch xây BT đặc 90x90x190 giá ổn định 1.900 đồng/viên, ống nhựa phi 90 x 2,9mm giá tăng (+700đồng/mét) giá bán từ 50.000-65.000 đồng/mét.

b) Khí hóa lỏng (gas đun):

Giá gas tháng 8/2023 có giá tăng so với tháng 7/2023, tăng (+2.167đồng/kg), giá bán lẻ gas Petrô bình 12kg là 375.936 đồng/bình 12kg

c) Nước sinh hoạt.

Tháng 8/2023, giá nước sinh hoạt thực hiện theo Quyết định số 2634/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa, cụ thể đối với Hộ dân cư: Giá nước sinh hoạt 1 (từ 01 m³ - 10 m³/đồng hồ/tháng) là 5.250 đồng/m³, giá nước sinh hoạt 2 (từ trên 10 m³ - 20 m³/đồng hồ/tháng) là 7.298 đồng/m³, giá nước sinh hoạt 3 (từ trên 20 m³ - 30 m³/đồng hồ/tháng) là 8.295 đồng/m³, giá nước sinh hoạt 4 (trên 30 m³/đồng hồ/tháng) là 10.815 đồng/m³ (giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 5%).

5. Thuốc chữa bệnh cho người:

Giá thuốc chữa bệnh cho người tháng 8/2023 theo Quyết định số 1599/QĐ-SYT ngày 08/10/2021 của Sở Y tế Khánh Hòa “Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Thuốc Generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc cho các đơn vị trong ngành y tế từ tháng 9 năm 2021 đến hết tháng 8 năm 2023”; Quyết định số 1600/QĐ-SYT ngày 08/10/2021 của Sở Y tế “Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 02: Thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền) thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc cho các đơn vị trong ngành y tế từ tháng 9 năm 2021 đến hết tháng 8 năm 2023”; Quyết định số 1601/QĐ-SYT ngày 08/10/2021 của Sở Y tế “Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 03: Vị thuốc cổ truyền thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc cho các đơn vị trong ngành y tế từ tháng 9 năm 2021 đến hết tháng 8 năm 2023”, giá một số mặt hàng thuốc chữa bệnh cho người như sau:

Thuốc tim mạch Atorvastatin 10mg, Việt Nam, Chai 1000 viên, Uống, Công ty CPDP Khánh Hòa giá 123 đồng/viên; thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng Moxilen 500mg, Cyprus, Hộp 10 vi*10 viên, Uống, Medochemie Ltd-Factory B giá 2.190 đồng/viên; thuốc dị ứng và các trường hợp quá mẫn cảm Cinnarizin 25mg, Việt Nam, Hộp 04 vi*50 viên, Uống, Công ty CPDP Khánh Hòa giá 47 đồng/viên; thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid và thuốc điều trị gut và các bệnh xương hoạt chất Paracetamol 500mg, thuốc Panactol, Việt Nam, Hộp 04 vi*04 viên, Uống, Công ty CPDP Cửu Long giá 535 đồng/viên; thuốc tác dụng trên đường hô hấp Acetylcystein, Việt Nam, Hộp 100 gói uống 1g, Uống, Công ty CPDP Cửu Long giá 355 đồng/viên; thuốc vitamin và khoáng chất Vitamin B6, thuốc AGIDOXIN, Việt Nam. Hộp 10 vi*10 viên, Uống, Công ty Agimexpharm giá 350 đồng/viên; thuốc đường tiêu hóa Domperidon 10mg, Việt Nam, Chai 200 viên, Uống, Công ty CPDP Khánh Hòa giá 54 đồng/viên; thuốc

học môn và các thuốc tác động vào hệ nội tiết Métforilex MR, Việt Nam, H/6 vi, 10 vi x 10 viên, Uống, Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Codupha giá 1.200 đồng/viên.

6. Dịch vụ y tế:

Giá dịch vụ y tế do Sở Y tế cung cấp không đổi so tháng trước, cụ thể:

- Đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước: Khám bệnh tại bệnh viện hạng 1 là 39.000 đồng/lượt ; dịch vụ ngày giường điều trị nội trú nội khoa, loại 1 tại bệnh viện hạng 1 là 199.100 đồng/ngày; siêu âm 49.000 đồng/lượt; dịch vụ chụp X-quang số hóa 1 phim 47.000 đồng/lượt; điện tâm đồ 45.900 đồng/lượt; nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết 231.000 đồng/lượt, châm cứu (có kim dài) 81.800đ/lượt...

- Đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước (tại Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa): Khám bệnh 70.000 đồng/lượt; siêu âm trắng đen 100.000 đồng/lượt; dịch vụ chụp X-quang số hóa 1 phim 100.000 đồng/lượt; điện tâm đồ 60.000 đồng/lượt; nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết 340.000 đồng/lượt, châm cứu (có kim dài) 100.000đ/lượt...

- Đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân (tại Phòng khám Đa khoa Thiện Trang): Khám bệnh 70.000 đồng/lượt; siêu âm 180.000 đồng/lượt; dịch vụ chụp X-quang số hóa 1 phim 180.000 đồng/lượt; điện tâm đồ 70.000 đồng/lượt; nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết 350.000 đồng/lượt, hàn composite cổ răng 200.000đ/lượt..

7. Giao thông:

a) Dịch vụ trông giữ xe:

Giá dịch vụ trông giữ xe máy, xe ô tô thực hiện theo Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, cụ thể giá dịch vụ trông giữ xe tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước theo lượt ban ngày tối đa không quá 4.500 đồng/xe/lượt đối với dịch vụ trông giữ xe máy, xe máy điện; tối đa không quá 18.000 đồng/xe/lượt đối với dịch vụ trông giữ ô tô thiết kế dùng để chở người dưới 12 chỗ ngồi (khuyến khích áp dụng mức thu bằng dịch vụ giữ xe tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước là 3.000 đồng/xe/lượt đối với dịch vụ trông giữ xe máy, xe máy điện và 12.000 đồng/xe/lượt đối với dịch vụ trông giữ ô tô thiết kế dùng để chở người dưới 12 chỗ ngồi).

b) Giá cước vận tải hành khách:

- Tháng 8/2023, các hãng xe vận tải hành khách tuyến cố định hoạt động ổn định và đảm bảo thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 như: hãng xe Phương Nam, Nhà, Huỳnh Gia, Phương Trang, Trà Lan Viên,

Cúc Tùng, Hải Sơn, Khanh Phong, Liên Hưng, Phúc An... giá cước vận tải hành khách bằng xe ô tô giường nằm, máy lạnh tuyến Khánh Hòa đi thành phố Hồ Chí Minh có giá dao động từ 200.000-450.000 đồng/vé. Nhằm phục vụ nhu cầu đi lại của hành khách dịp nghỉ lễ Quốc khánh 2-9, Sở Giao thông vận tải có công văn số 2551/SGTVT-QLVTPT&NL ngày 23/8/2023 gửi đến các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách về việc điều chỉnh tỷ lệ phụ thu giá cước dịp Lễ 2/9 cụ thể:

+ *Chiều từ TP.HCM đi Khánh Hòa:* Từ ngày 31/8/2023 đến hết ngày 01/9/2023: Tỷ lệ phụ thu tối đa là 40% giá cước đang thực hiện;

+ *Chiều từ Khánh Hòa đi TP HCM:* Từ ngày 03/9/2023 đến hết ngày 04/9/2023: Tỷ lệ phụ thu tối đa là 40% giá cước đang thực hiện.

- Giá cước xe buýt nội tỉnh, dưới 30km giá 9.000 đồng/vé/lượt; cước taxi xe thường 4 chỗ ngồi có giá 7.000 đồng/0,55km đầu tiên, giá 16.000 đồng/km từ km tiếp theo đến km thứ 30 và giá 10.500 đồng/km từ km thứ 31 trở đi.

c) Xăng dầu:

- Giá xăng, dầu được điều chỉnh 03 lần vào ngày 01/8/2023, ngày 11/8/2023 và ngày 21/7/2023. Công ty Xăng dầu Phú Khánh ban hành 03 Quyết định số 559/PLXPK-QĐ-GĐ ngày 01/8/2023, Quyết định số 582/PLXPK-QĐ-GĐ ngày 11/8/2023 và Quyết định số 604/PLXPK-QĐ-GĐ ngày 21/8/2023. Mức tăng chung của 03 đợt điều chỉnh giá xăng, dầu, cụ thể: xăng không chì Ron 95-III tăng (+1.850đồng/lít), xăng sinh học E5 Ron 92-II tăng (+1.730đồng/lít), dầu diezen 0,001S-V tăng (+2.640đồng/lít) và dầu diezen 0,05S-II tăng (+2.900đồng/lít), dầu hỏa 2-K tăng (+3.180đồng/lít).

- Hiện giá bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh là: Xăng không chì Ron 95-III giá 25.090 đồng/lít, xăng sinh học E5 Ron 92-II giá 23.790 đồng/lít, dầu diezen 0,001S-V giá 23.330 đồng/lít, dầu diezen 0,05S-II giá 22.790 đồng/lít, dầu hỏa 2-K giá 22.740 đồng/lít (giá bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế BVMT).

8. Dịch vụ giáo dục:

Tháng 8/2023, giá dịch vụ giáo dục (học phí) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa thực hiện theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 của HĐND tỉnh, cụ thể:

- Mức thu học phí học trực tiếp đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên năm học 2022-2023:

+ Mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non khu vực thành thị (gồm các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố) là 300.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực nông thôn (gồm các xã thuộc huyện, thị xã, thành phố), các đảo thuộc phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang là 100.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực miền núi, các đảo thuộc huyện Trường Sa là 50.000 đồng/học sinh/tháng.

+ Mức thu học phí trung học cơ sở khu vực thành thị (gồm các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố) là 300.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực nông thôn (gồm các xã thuộc huyện, thị xã, thành phố), các đảo phường Vĩnh

Nguyên, thành phố Nha Trang là 100.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực miền núi, các đảo thuộc huyện Trường Sa là 50.000 đồng/học sinh/tháng.

+ Mức thu học phí trung học phổ thông (giáo dục thường xuyên) khu vực thành thị (gồm các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố) là 300.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực nông thôn (gồm các xã thuộc huyện, thị xã, thành phố), các đảo phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang là 200.000 đồng/học sinh/tháng; khu vực miền núi các đảo thuộc huyện Trường Sa là 100.000 đồng/học sinh/tháng.

- Mức thu học phí học trực tuyến (học online) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022-2023 bằng 80% mức thu học phí học trực tiếp.

- Đối với giá dịch vụ giáo dục (học phí) đào tạo cao đẳng công lập, đại học công lập về các ngành, nghề đào tạo theo chỉ tiêu tuyển sinh được Nhà nước cấp kinh phí, các cơ sở giáo dục đào tạo cao đẳng công lập, đại học công lập căn cứ vào Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ để ban hành Quyết định mức thu học phí hệ chính quy năm học 2022-2023 cụ thể:

+ Dịch vụ giáo dục đào tạo cao đẳng công lập Ngành y dược của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa là 1.300.000 đồng/học sinh/tháng được quy định tại Quyết định số 403/QĐ-CDYT ngày 23/8/2022 của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa;

+ Dịch vụ giáo dục đào tạo đại học công lập Ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Khánh Hòa là 320.000 đồng/tín chỉ (tổng 35 tín chỉ) được quy định tại Quyết định số 675/QĐ-ĐHKH ngày 16/8/2022 của Trường Đại học Khánh Hòa.

9. Giải trí và Du lịch:

- Tháng 8/2023, lượng khách du lịch đến Khánh Hòa tăng nhưng không bằng dịp mùa cao điểm là hai tháng hè (tháng 6 và tháng 7). Để thu hút khách du lịch, Khánh Hòa phối hợp với các đơn vị liên quan dự kiến tổ chức nhiều sự kiện, lễ hội văn hóa du lịch đặc sắc như hỗ trợ đoàn Công ty lữ hành phân khúc cao cấp Ấn Độ khảo sát các điểm du lịch tại Nha Trang-Khánh Hòa từ ngày 3/8 - 6/8/2023; phối hợp Hiệp hội Du lịch Nha Trang-Khánh Hòa tiếp đón đoàn Famtrip Indonesia khảo sát, kết nối kinh doanh du lịch; phối hợp, hỗ trợ giải chạy Marathon Marvelous Nha Trang 2023 và Lễ trao thưởng giải Cánh điều Vàng 2023...

- Giá dịch vụ lưu trú thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh. Trong tháng này trên địa bàn TP Nha Trang trên 80% khách sạn từ 3-5 sao đã hoạt động trở lại, khách sạn dưới 2 sao cũng mở cửa trở lại sau 02 năm dịch và hầu hết các khu vui chơi, dịch vụ đã mở cửa để phục vụ du khách đến Nha Trang - Khánh Hòa. Các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú trong tháng hầu hết điều chỉnh giảm giá phòng từ 10-15%, công suất phòng bình quân tháng 8 đạt từ 60-70%. Giá phòng khách sạn 3 sao loại hai giường đơn hoặc 1 giường đôi, có tivi, điều hòa, nước nóng, điện thoại cố định, vệ sinh khép kín, wifi, được

ở 2 khách là 400.000-1.000.000 đồng/phòng/ngày đêm; giá phòng nhà khách loại 1 giường, điều hoà, nước nóng-lạnh, phòng vệ sinh khép kín, được ở 2 khách là 250.000-350.000 đồng/phòng/ngày đêm.

10. Vàng, đô la Mỹ:

a) Vàng:

Tháng 8/2023, giá vàng (nhẫn 99,99%) bình quân trên thị trường tăng so với tháng 7/2023, tăng (+0,41%). Giá vàng trong nước thường biến động theo xu hướng của giá vàng thế giới. Thị trường Khánh Hòa giá vàng bán ra dao động mức 5.675.000-5.705.000 đồng/chỉ, giá vàng bán ra có xu hướng tăng hơn vào 02 tuần đầu của tháng với mức giá bán ra dao động từ 5.690.000-5.705.000 đồng/chỉ. Mức giá bán ra bình quân tháng 8/2023 của vàng nhẫn 99,99% tăng 23 đồng/chỉ so với tháng trước.

b) Đô la Mỹ:

Giá USD bình quân tại thị trường Khánh Hòa tháng 8/2023 tăng so với tháng 7/2023, tăng bình quân (+0,7%), tỷ giá bán ra đồng Đô la Mỹ tại ngân hàng Ngoại thương chi nhánh Khánh Hòa trong tháng dao động từ 23.860-24.200 đồng/USD, tỷ giá bán ra tăng mạnh 02 tuần cuối tháng kể từ ngày 14/8/2023, có mức giá dao động từ 23.970-24.200 đồng/USD. Tỷ giá bán ra đô la Mỹ bình quân tháng 8/2023 tăng 167 đồng/USD so với tháng trước.

B. Công tác chỉ đạo quản lý giá tháng 8 năm 2023:

1. Trình UBND tỉnh phê duyệt chi phí tinh chế yến sào nguyên liệu tận thu từ yến sào thiên nhiên Khánh Hòa; Báo cáo UBND tỉnh việc điều tra chi phí sản xuất và tính giá thành thóc vụ Hè thu 2023;
2. Văn bản gửi các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp rà soát giá tính thuế tài nguyên và tham gia ý kiến để xây dựng Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2024; báo cáo đánh giá và đề xuất nội dung xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính;
3. Tham gia ý kiến gửi Sở Xây dựng tổng hợp về đối với danh mục công bố giá VLXD trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo định kỳ tháng 7/2023; Sở Kế hoạch và Đầu tư về hồ sơ đề xuất thực hiện Dự án Nhà máy phát điện sử dụng chất thải rắn Khánh Hòa;
4. Tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành 2023; Báo cáo gửi Sở Tư pháp về tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành 2023;
5. Thực hiện Thông báo số 81/TB-VPCP ngày 24/3/2022 của Văn phòng Chính phủ thông báo Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái - Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá tại cuộc họp ngày 14/3/2022 về điều hành giá một số mặt hàng quan trọng, thiết yếu. Sở Tài chính đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Sở công khai thông tin về giá kê khai mặt hàng Gas của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh mặt hàng Gas trên địa bàn thành phố Nha Trang do Sở Tài chính tiếp nhận tháng 8/2023;

6. Tổ chức theo dõi, khảo sát, tổng hợp báo cáo giá thị trường các mặt hàng theo danh mục quy định tại Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo giá thị trường; báo cáo giá các mặt hàng theo danh mục trên Phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo Công văn số 2527/BTC-QLG ngày 06/3/2019 của Bộ Tài chính về việc triển khai nhập liệu báo cáo giá cả thị trường vào CSDL quốc gia về giá, kết hợp báo cáo theo quy định tại Thông tư số 116/2018/TT-BTC;

7. Tổ chức tiếp nhận, kiểm soát, trả kết quả biểu mẫu kê khai giá đối với các cơ sở kinh doanh các mặt hàng gạo, đường ăn, xi măng, xăng dầu, khí hóa lỏng, thức ăn chăn nuôi, phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, dịch vụ cảng biển...; tiếp nhận biểu mẫu kê khai giá dịch vụ lưu trú của các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú trên địa bàn thành phố Nha Trang, biểu mẫu kê khai giá dịch vụ du lịch lữ hành. Từ ngày 01/8/2023 đến ngày 30/8/2023 đã thực hiện việc tiếp nhận, kiểm tra, duyệt hồ sơ kê khai giá tổng cộng 104 hồ sơ kê khai giá các loại.

Sở Tài chính Khánh Hòa báo cáo./.

(Đính kèm Bảng giá thị trường tháng 8 năm 2023).

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (Cục quản lý giá) (báo cáo) (VBĐT),
- UBND tỉnh (báo cáo),
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (phối hợp);
- Phòng Tài chính các huyện, thị xã, TP (phối hợp);
- Trai giam A2 Đồng Găng Diên Khánh (để biết),
- Công an tỉnh Khánh Hòa (Phòng Hậu cần-để biết);
- Công thông tin điện tử Sở Tài chính;
- Lưu. VT, QLG, N.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Quốc Thành

SỞ TÀI CHÍNH
Tỉnh, Thành phố: Tỉnh Khánh Hoà

BẢNG GIÁ THỊ TRƯỜNG THÁNG 8 NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày /8/2023 của Sở Tài chính Khánh Hòa)

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Chú chú
I	01	LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM									
1	01 0001	Thóc, gạo te thường	Khang dân hoặc tương đương	đ/kg	Giá bán lẻ	14 350	15 238	888	6,19	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Gạo te thường trắng địa phương từ 12 500 - 15 300 đ/kg
2	01 0002	Gạo te ngon	Tám thơm hoặc tương đương	đ/kg	Giá bán lẻ	19.986	20.757	771	3,86	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Gạo Tám thơm, gạo Tía, Lộc Phương, Là sữa, dẻo thơm từ 16 000 - 25 000 đ/kg
3	01 0003	Thịt lợn hơi (Thịt heo hơi)		đ/kg	Giá bán lẻ	60 429	59 786	(643)	(1,06)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá từ 58 000- 61 000đ/kg
4	01 0004	Thịt lợn nạc thân (Thịt heo nạc thân)		đ/kg	Giá bán lẻ	123 143	122 286	(857)	(0,70)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Giá từ 120 000- 130 000đ/kg
5	01 0005	Thịt bò thân		đ/kg	Giá bán lẻ	251 250	250 625	(625)	(0,25)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Từ 250 000 - 270 000 đ/kg
6	01 0006	Thịt bò bắp	Bắp hoa hoặc bắp lõi, loại 200 – 300 gram/ cái	đ/kg	Giá bán lẻ	219 857	219 786	(71)	(0,03)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Từ 210 000 - 230 000 đ/kg
7	01 0007	Gà ta	Còn sống, loại 1,5 – 2kg /1 con hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	104 500	105 875	1 375	1,32	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Từ 90 000 - 110 000 đ/kg
8	01 0008	Gà công nghiệp	Làm sẵn, nguyên con, bỏ lòng, loại 1,5 – 2kg /1 con hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	66 625	67 688	1 063	1,60	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Từ 62 000 - 70 000 đ/kg
9	01 0009	Grò lua	Loại 1 kg	đ/kg	Giá bán lẻ	147 429	147 357	(72)	(0,05)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Từ 140 000 - 170 000 đ/kg
10	01 0010	Ca qua (cá lóc)	Loại 2 con/1 kg hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	78 063	78 375	312	0,40	Do trực tiếp điều tra, thu thập	70 000 - 90 000 đ/kg
11	01 0011	Cá chép	Loại 2 con/1 kg hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	80 000	82 000	2 000	2,50	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Từ 75 000 - 95 000 đ/kg,
12	01 0012	Tôm rão, tôm nuôi nước ngọt	Loại 40-45 con/kg	đ/kg	Giá bán lẻ	177 917	178 333	416	0,23	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Phổ biến từ 165 000 - 200 000 đ/kg

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
13	01 0013	Bắp cải trắng	Loại to vừa khoảng 0,5-1kg/bắp	đ/kg	Giá bán lẻ	16 000	16 083	83	0,52	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Từ 15 000 - 17 000 đ/kg
14	01 0014	Cải xanh	Cải ngọt hoặc cải cay theo mùa	đ/kg	Giá bán lẻ	17 786	18 857	1 071	6,02	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Từ 17 000 - 20 000 đ/kg
15	01 0015	Bi xanh	Qua tư 1-2 kg hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	16 071	17 143	1 072	6,67	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Từ 15 000 - 18 000 đ/kg
16	01 0016	Cà chua	Qua to vừa, 8-10 quả/kg	đ/kg	Giá bán lẻ	20 214	21 071	857	4,24	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Từ 20 000 - 23 000 đ/kg
17	01 0017	Muối hạt	Gói 01 kg	đ/kg	Giá bán lẻ	6 050	6 188	138	2,28	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Từ 5 000đ- 8 000đ/kg
18	01 0018	Dầu thực vật	Chai 01 lít	đ/lít	Giá bán lẻ	55 280	55 300	20	0,04	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Dầu Sumply giá từ 55 000 - 60 000 đ/chai
19	01 0019	Đường trắng kết tinh, nôi	Gói 01 kg	đ/kg	Giá bán lẻ	29 580	30 620	1 040	3,52	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Đường Biên Hòa từ 26 000đ-32 000đ/kg
20	01 0020	Sữa bột dùng cho trẻ em dưới 06 tuổi		đ/hộp	Giá bán lẻ	139 400	141 500	2 100	1,51	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Sữa Dielac Alpha Steps 1, hộp thóc 400g
II VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP											
21	02 0005	Giống lúa nếp 97, cấp NC		đ/kg	Giá bán lẻ	65 000	65 000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
22	02 0010	Giống lúa Khang dân 18		đ/kg	Giá bán lẻ	75 000	75 000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
23	02 0012	Giống lúa T10		đ/kg	Giá bán lẻ	14 000	16 000	2 000	14,29	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Lúa 202
24	02 0020	Giống lúa khác phổ biến		đ/kg	Giá bán lẻ	30 000	30 000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Từ 68 000 - 75 000 đ/kg
25	02 0025	Giống ngô SSC586		đ/kg	Giá bán lẻ	70 000	70 000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
26	02 0027	Giống ngô B21		đ/kg	Giá bán lẻ	60 000	60 000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
27	02 0029	Giống ngô LVN4 F1		đ/kg	Giá bán lẻ	60 000	60 000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	

S.T.T	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Chi chú
28	02 0044	Hạt giống Cai be Mào gà GRQ09, cấp xác nhân		đ/kg	Giá bán lẻ	750 000	750 000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
29	02 0047	Hạt giống Cai xanh lùn Thanh Giang Trung Quốc, cấp xác nhân		đ/kg	Giá bán lẻ	245 000	245 000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
30	02 0051	Vac-xin Lở mồm long móng		đ/liều	Giá bán lẻ	35 000	35.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Công ty CP thuốc thú y Trung ương Navetco
31	02 0052	Vac-xin Tai xanh (PRRS)		đ/liều	Giá bán lẻ	30 000	30 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Công ty CP thuốc thú y Trung ương Navetco
32	02 0053	Vac-xin tu huyết trùng		đ/liều	Giá bán lẻ	6 090	6.090	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Công ty CP thuốc thú y Trung ương Navetco
33	02 0054	Vac-xin dịch tả lợn		đ/liều	Giá bán lẻ	4 400	4 400	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Công ty CP thuốc thú y Trung ương Navetco
34	02 0055	Vac-xin cúm gia cầm		đ/liều	Giá bán lẻ	420	420	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Công ty CP thuốc thú y Trung ương Navetco
35	02 0056	Vac-xin dịch tả vịt		đ/liều	Giá bán lẻ	145	145	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Công ty CP thuốc thú y Trung ương Navetco

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm) (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú	
												phổ biến
42	03 0001	Nước khoáng	Chai nhựa 500ml	đ/chai	Giá bán lẻ	5 500	5 500	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Nước khoáng Lavie	
43	03 0002	Rượu vang nội	Chai 750ml	đ/chai 750ml	Giá bán lẻ	114 357	114 357	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Rượu vang Đà Lạt từ 90 000 - 140 000 đ/chai	
44	03 0003	Nước giải khát có ga	Thùng 24 lon 330ml loại phổ biến	đ/thùng (24 lon)	Giá bán lẻ	199 833	199 667	(166)	(0,08)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Coca-cola từ 195 000 - 205 000 đ/thùng	
45	03 0004	Bia lon	Thùng 24 lon 330ml loại phổ biến	đ/thùng (24 lon)	Giá bán lẻ	247 140	249 140	2 000	0,81	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Bia Sài Gòn từ 235, 000 - 270 000 đ/thùng	
IV	04	VẬT LIỆU XÂY DỰNG, CHẤT ĐÓT, NƯỚC SINH HOẠT										
46	04 0001	Xi măng	PCB30 bao 50kg	đ/bao	Giá bán lẻ	97.527	97 527	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Xi măng Sông Gianh	
47	04 0002	Thép xây dựng	Ghì rõ quy cách	đ/kg	Giá bán lẻ	17 250	16 500	(750)	(4,35)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Thép xây dựng liên doanh Việt Nhật từ 15 500 - 21 000 đ/kg	
48	04 0003	Cát xây	Mua rời dưới 2m ³ /lần, tại nơi cung ứng (không phải nơi khai thác)	đ/m ³	Giá bán lẻ	313.125	310 000	(3 125)	(1,00)	Do trực tiếp điều tra, thu thập		
49	04 0004	Cát vàng	Mua rời dưới 2m ³ /lần, tại nơi cung ứng (không phải nơi khai thác)	đ/m ³	Giá bán lẻ	346 875	348 750	1 875	0,54	Do trực tiếp điều tra, thu thập		
50	04 0006	Gạch xây	Gạch ống 2 lỗ, cỡ rộng 10 x dài 22, loại 1, mua rời tại nơi cung ứng hoặc tương đương	đ/viên	Giá bán lẻ	1 600	1 600	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Gạch xây BT 02 lỗ M5 0, quy cách 90x90x190	
51	04 0007	Ống nhựa	Phi 90 loại 1	đ/mét	Giá bán lẻ	59 400	60 100	700	1,18	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Ống nhựa Bình Minh giá 50 000 - 60 000 đ/m	
52	04 0008	Gas đun	Loai bình 12kg (không kê tiền bình)	đ/b/13 kg	Giá bán lẻ	29 161	31 328	2 167	7,43	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Gas Petrol của Công ty xăng dầu Phú Khánh	

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Chi chú	
53	04 0009	Nước sach sinh hoạt	Ghi rõ tên doanh nghiệp cung cấp, địa bàn cung cấp	đ/m ³	Giá bán lẻ	5 250	5 250	-	-	Các nguồn thông tin khác	Mức 10m ³ đầu tiên (giá nước sinh hoạt 1) theo Quyết định số 2634/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa (giá đã bao gồm thuế GTGT 5%)	
V	05	THUỐC CHỮA BỆNH CHO NGƯỜI										
54	05 0001	Thuốc tim mạch	Hoạt chất Amiodipin 10 mg hoặc Hoạt chất Atorvastatin 10mg hoặc Hoạt chất Nifedipin 20mg	đ/ vi	Giá bán buôn	123	123	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Atorvastatin 10mg, Việt Nam, Chai 1000 viên, Ưông, Công ty CPDP Khánh Hòa	
55	05 0002	Thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng	Hoạt chất Cefuroxim 500mg hoặc Hoạt chất Amoxicilin 500mg	đ/ vi	Giá bán buôn	2 190	2 190	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Moxilen 500mg, Cyprus, Hộp 10 vi*10 viên, Ưông, Medochemie Ltd-Factory B	
56	05 0003	Thuốc di ung va các trường hợp quá mẫn -cảm	Hoạt chất Cinnarizin 25mg hoặc Hoạt chất Fexofenadin 60mg	đ/ vi	Giá bán buôn	47	47	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Cinnarizin 25mg, Việt Nam, Hộp 04 vi*50 viên, Ưông, Công ty CPDP Khánh Hòa	
57	05 0004	Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid và thuốc điều trị gút và các bệnh xương	Hoạt chất Paracetamol 500mg hoặc Hoạt chất Alpha Chymotrypsin 4 2mg	đ/ vi	Giá bán buôn	535	535	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Hoạt chất Paracetamol 500mg, thuốc Paracetol, Việt Nam, Hộp 04 vi*04 viên, Ưông, Công ty CPDP Cửu Long	
58	05 0005	Thuốc tác dụng trên đường hô hấp	Hoạt chất N-acetylcystein 200mg	đ/ vi	Giá bán buôn	355	355	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Acetylcystein, Việt Nam, Hộp 100 gói uống 1g, Ưông, Công ty CPDP Cửu Long	
59	05 0006	Thuốc vitamin và khoáng chất	Vitamin B1 hoặc B6 hoặc B12	đ/ vi	Giá bán buôn	350	350	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Vitamin B6, thuốc AGIDOXIN, Việt Nam Hộp 10 vi*10 viên, Ưông, Công ty Agimexpharm	

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa dịch vụ	Đặc điểm kinh tế kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
60	05 0007	Thuốc đưỡng tiêu hóa	Hoạt chất Omeprazole 20 mg hoặc Hoạt chất Domperidon 10 mg	đ/ vi	Giá bán buôn	54	54	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Domperidon 10mg, Việt Nam, Chai 200 viên, Uống, Công ty CPDP Khánh Hòa
61	05 0008	Học môn và các thuốc tac động vào hệ nội tiết	Hoạt chất Methyl Prednisolon 4mg hoặc Hoạt chất Gliclazid 30 mg hoặc Hoạt chất Metformin 500mg	đ/ vi	Giá bán buôn	1 200	1.200	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Méfonlex MR, Việt Nam, H/6 vi, 10 vi x 10 viên, Uống, Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Codupha
VI	06	DỊCH VỤ Y TẾ									
62	06 0001	Khám bệnh	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/ lượt	Giá bán lẻ	39 000	39 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Bệnh viên hạng I
63	06 0002	Ngày giường điều trị nội trú nội khoa, loại I	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/ngày	Giá bán lẻ	199 100	199.100	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Bệnh viên hạng I
64	06 0003	Siêu âm	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/ lượt	Giá bán lẻ	49 000	49 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	
65	06 0004	X-quang số hóa I phim	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/ lượt	Giá bán lẻ	47 000	47 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Chi chú
66	06 0005	Xét nghiệm tế bào cần nước tiêu hóa cần Adis	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	d/ lượt	Giá bán lẻ	42 400	42 400	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/bảo cáo theo quy định	
67	06 0006	Điện tâm đồ	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	d/ lượt	Giá bán lẻ	45 900	45.900	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/bảo cáo theo quy định	
68	06 0007	Nội soi thực quản- đa dây- tá tràng ống mềm không sinh thiết	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	d/ lượt	Giá bán lẻ	231 000	231 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/bảo cáo theo quy định	
69	06 0008	Hàn composite cổ răng	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	d/ lượt	Giá bán lẻ	324 000	324 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/bảo cáo theo quy định	
70	06 0009	Chăm cứu (có kim dài)	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	d/ lượt	Giá bán lẻ	81 800	81 800	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/bảo cáo theo quy định	
71	06 0010	Kham bệnh	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	d/ lượt	Giá bán lẻ	70 000	70 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/bảo cáo theo quy định	Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa
72	06 0011	Ngay gương điều trị nội trú nội khoa, loại I	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	d/ngày	Giá bán lẻ	900 000	900 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/bảo cáo theo quy định	Phòng I gương, Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa

SIT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Chi chú
73	06 0012	Siêu âm	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	100 000	100 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Siêu âm trắng đen, Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa
74	06 0013	X-quang số hóa 1 phim	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	100 000	100 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa
75	06 0014	Xét nghiệm tế bào căn nước tiểu hoặc căn Adis	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	150 000	150 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Làm xét nghiệm tế bào căn Adis (Bệnh viện không làm xét nghiệm nước tiểu), Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa
76	06 0015	Điện tâm đồ	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	60 000	60 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa
77	06 0016	Nội soi thực quản- đa dây- tá tràng ống mềm không sinh thiết	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	340 000	340 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa
78	06 0017	Hàn composite có răng	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	400 000	400 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa
79	06 0018	Chăm curu (có kim dài)	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	100 000	100 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Trung tâm dịch vụ Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa
80	06 0019	Khám bệnh	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	đ/lượt	Giá bán lẻ	70 000	70 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Phòng khám Đa khoa Thiên Trang (83-85 Nguyễn Trãi, Nha Trang)

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
81	06 0021	Siêu âm	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	đ/ lượt	Giá bán lẻ	180 000	180 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Phòng khám Đa khoa Thiên Trang (83-85 Nguyễn Trãi, Nha Trang)
82	06 0022	X-quang số hóa I phim	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	đ/ lượt	Giá bán lẻ	180 000	180 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Phòng khám Đa khoa Thiên Trang (83-85 Nguyễn Trãi, Nha Trang)
83	06 0023	Xét nghiệm tế bào cắn nước tiêu hoặc cắn Adis	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	đ/ lượt	Giá bán lẻ	50 000	50 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Phòng khám Đa khoa Thiên Trang (83-85 Nguyễn Trãi, Nha Trang)
84	06 0024	Điện tâm đồ	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	đ/ lượt	Giá bán lẻ	70 000	70 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Phòng khám Đa khoa Thiên Trang (83-85 Nguyễn Trãi, Nha Trang)
85	06 0025	Nồi soi thực quan- da dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	đ/ lượt	Giá bán lẻ	350 000	350 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Phòng khám Đa khoa Thiên Trang (83-85 Nguyễn Trãi, Nha Trang)
86	06 0026	Hàn composite cổ răng	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	đ/ lượt	Giá bán lẻ	200 000	200 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Phòng khám Đa khoa Thiên Trang (83-85 Nguyễn Trãi, Nha Trang)
VII 07 GIAO THÔNG											
87	07 0001	Trông giữ xe máy		đ/ lượt	Giá bán lẻ	3 286	3 286	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
88	07 0002	Trông giữ ô tô		đ/ lượt	Giá bán lẻ	12 000	12 000	-	-	Các nguồn thông tin khác	Giữ xe ban ngày tại những nơi có nhiều nhu cầu trông giữ phương tiện
89	07 0003	Gia cước ô tô đi đường dài	Chọn 1 tuyến phố biển, xe đường dài máy lạnh	đ/km	Giá bán lẻ	250 000	250 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Tuyến Nha Trang - Sài Gòn xe giường nằm, máy lạnh

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Chi chú
90	Giá cước xe buýt công cộng	Đi trong nội tỉnh, dưới 30km	đ/vé	Giá bán lẻ	9 000	9 000	-	-	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	
91	Giá cước taxi	Lấy giá 10km đầu, loại xe 4 chỗ	đ/km	Giá bán lẻ	16 000	16 000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Hãng taxi Mai Linh
92	Xăng E5 Ron 92		Đồng/lít	Giá bán lẻ	21 350	23 445	2 095	9,81	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Xăng sinh học E5 Ron 92-II
93	Xăng Ron 95		Đồng/lít	Giá bán lẻ	22 450	24 674	2 224	9,91	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Xăng không chì Ron 95-III
94	Dầu Diesel		Đồng/lít	Giá bán lẻ	19 243	22 242	2 999	15,58	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Dầu Diesel 0,05S-II
VIII	DỊCH VỤ GIÁO DỤC									
95	Dịch vụ giáo dục trường mầm non công lập		đ/tháng	Giá bán lẻ	300.000	300.000	-	-	Các nguồn thông tin khác	Trường mầm non tại các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố
96	Dịch vụ giáo dục trường trung học cơ sở công lập (lớp 8)		đ/tháng	Giá bán lẻ	300 000	300 000	-	-	Các nguồn thông tin khác	Trường trung học cơ sở công lập tại các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố
97	Dịch vụ giáo dục trường trung học phổ thông công lập (lớp 11)		đ/tháng	Giá bán lẻ	300 000	300 000	-	-	Các nguồn thông tin khác	Trường trung học phổ thông công lập tại các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố
98	Dịch vụ giáo dục đào tạo nghề công lập		Đồng/ti n chi	Giá bán lẻ	300 000	300 000	-	-	Các nguồn thông tin khác	Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp Khánh Hòa, dạy nghề học sinh phổ thông

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá phổ biến	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Chi chú
99	08 0006	Dịch vụ giáo dục đào tạo cao đẳng công lập		Đồng/ti n chi	Giá bán lẻ	1 300 000	1 300 000	-	-	Các nguồn thông tin khác	Mức thu học phí đối với các ngành, nghề đào tạo theo chỉ tiêu tuyển sinh được Nhà nước cấp kinh phí - Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa, Ngành Y được
100	08 0008	Dịch vụ giáo dục đào tạo đại học công lập hoặc tương đương đại học công lập		Đồng/ti n chi	Giá bán lẻ	320 000	320 000	-	-	Các nguồn thông tin khác	Mức thu học phí đối với các ngành, nghề đào tạo theo chỉ tiêu tuyển sinh được Nhà nước cấp kinh phí - Trường Đại học Khánh Hòa, Ngành Giáo dục Tiểu học (Quyết định 675/QĐ-DHKH ngày 16/8/2022)
GIẢI TRÍ VÀ DU LỊCH											
IX	09										
101	09 0001	Du lịch trọn gói trong nước		đ/ngày/ người	Giá bán lẻ	3 050 000	3 050 000	-	-	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Nha Trang - Đà Lạt
102	09 0002	Phòng khách san 3 sao hoặc tương đương		đ/ngày-đêm	Giá bán lẻ	500 000	400 000	(100 000)	(20,00)	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Khách san 3 sao (phòng ở 2 khách)
103	09 0003	Phòng nhà khách tư nhân		đ/ngày-đêm	Giá bán lẻ	250.000	250.000	-	-	Từ thông kê đăng ký giá, kê khai giá, thông báo giá của doanh nghiệp	Nhà nghỉ phòng ở 2 khách,
X	10	VÀNG, ĐỒNG LA MỸ									
104	10 0001	Vàng 99,99%		1000 đ/chi	Giá bán lẻ	5 664	5 687	23	0,41	Do trực tiếp điều tra, thu thập	
105	10 0002	Đô la Mỹ		đ/USD	Giá bán lẻ	23 834	24 001	167	0,70	Do trực tiếp điều tra, thu thập	